

Bản án số: 94 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2017
Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm C:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lợi;
2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 271/2017/TLST–HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2017/QĐXX-HN ngày 08 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2017/QĐST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã L, huyện B, tỉnh E.

Chị T C đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã L, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bạch T trình bày như sau:*

Chị và anh Phạm Văn C quen biết nhau, qua thời gian tự tìm hiểu đã cưới nhau vào năm 2016 trên tinh thần tự nguyện và C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Lai, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống thời gian đầu C hạnh phúc nhưng đến tháng 4 năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên anh chị đã ly thân từ tháng 4 năm 2016 cho đến nay. Từ lúc ly thân đến nay, anh chị mỗi người C cuộc sống riêng, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn C.

Về con chung: Không C.

Về tài sản chung: Không C.

Về nợ chung: Không C.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện B đã tổng đạt hợp lệ cho anh Phạm Văn C các văn bản tố tụng nhưng anh C vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Phạm Văn C.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Đối với Thẩm phán C chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử. Đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, về phiên tòa sơ thẩm người tham gia tố tụng chị T chấp hành tốt, thực hiện đúng theo nội quy phiên tòa, tuy nhiên anh C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt là đã vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về

con chung; Về tài sản chung: không C; Về nợ chung: không C; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu C trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng anh vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T C đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh C và chị T đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Bạch T và anh Phạm Văn C cưới nhau vào năm 2007 trên tinh thần tự nguyện và C đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Thới Lai theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C được công nhận là hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống C hạnh phúc đến tháng 4 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, hai người thường xuyên cãi vã nhau, chị T đã nhiều lần khuyên can nhưng không được nên anh chị đã ly thân nhau cũng từ tháng 4 năm 2016 cho đến nay, mỗi người đều C cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, giữa chị T và anh C đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành mời chị T và anh C để hòa giải cho các bên C cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa 2 bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung, về tài sản chung; về nợ chung: Không C, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bạch T đối với anh Phạm Văn C.

2. Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Không C nên không xét đến.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005734 ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Vậy, chị Nguyễn Thị Bạch T đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị Bạch T, anh Phạm Văn C vắng mặt tại phiên tòa, C quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA huyện B;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thu Hương